

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀ HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Hà Nội, tháng 03 năm 2021



MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|--------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 9 - 27 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại Hà Nội ("Trụ sở chính") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Trụ sở chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty tại Trụ sở chính trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|------------------------|----------|
| Ông Lê Mạnh Linh | Chủ tịch |
| Bà Bùi Thị Thanh Hương | Ủy viên |
| Bà Vũ Thị Thúy | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Ủy viên |

Ban Giám đốc

| | |
|------------------------|---------------|
| Bà Bùi Thị Thanh Hương | Tổng Giám đốc |
|------------------------|---------------|

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trụ sở chính và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Trụ sở chính đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 284/GUQ.HHC ngày 10/05/2018)
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Số: 94/2021/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (gọi tắt là "Trụ sở chính"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2021, từ trang số 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trụ sở chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trụ sở chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 nên việc đầu tư mua sắm dây chuyền sản xuất bánh kẹo bị chậm tiến độ. Ảnh hưởng của vấn đề này và các giải pháp của Ban Giám đốc được trình bày tại thuyết minh số 8 phần thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0308-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3676-2021-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 901.451.417.895 | 850.051.086.729 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 10.002.401.726 | 93.649.563.635 |
| 1. Tiền | 111 | | 10.002.401.726 | 93.649.563.635 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 107.000.000.000 | 130.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 6 | 107.000.000.000 | 130.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 693.926.307.973 | 546.648.471.957 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 302.723.972.653 | 199.936.012.184 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 8 | 160.769.973.016 | 207.097.282.085 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 17.168.047.503 | 15.440.520.323 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9 | 213.264.314.801 | 124.174.657.365 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10 | 86.613.862.805 | 76.618.192.865 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 86.613.862.805 | 76.618.192.865 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.908.845.391 | 3.134.858.272 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11 | 3.631.915.988 | 2.175.299.458 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 9.892.079 | 42.555.929 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 15 | 267.037.324 | 917.002.885 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 285.106.890.138 | 297.681.645.176 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 2.599.446.975 | 199.446.975 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 9 | 2.599.446.975 | 199.446.975 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 200.801.111.992 | 222.095.742.164 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 200.801.111.992 | 222.095.742.164 |
| - Nguyên giá | 222 | | 438.615.456.941 | 475.399.658.606 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (237.814.344.949) | (253.303.916.442) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 95.000.000 | 95.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (95.000.000) | (95.000.000) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 33.649.995.067 | 25.518.356.164 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 33.649.995.067 | 25.518.356.164 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 48.056.336.104 | 49.868.099.873 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 48.056.336.104 | 49.868.099.873 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.186.558.308.033 | 1.147.732.731.905 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị tính: VND


| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 718.282.710.871 | 716.522.539.660 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 545.338.414.109 | 477.703.116.795 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 172.951.310.938 | 122.110.002.753 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 2.594.270.150 | 3.038.425.123 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 21.280.921.217 | 18.881.502.167 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 31.460.518.370 | 27.399.712.114 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 19.825.083.202 | 30.865.675.940 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 949.199.813 | 949.046.479 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17 | 18.078.325.833 | 44.994.258.122 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 18 | 274.440.245.846 | 225.723.565.095 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 3.758.538.740 | 3.740.929.002 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 172.944.296.762 | 238.819.422.865 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 17 | 1.416.022.865 | 1.319.422.865 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 18 | 171.528.273.897 | 237.500.000.000 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 468.275.597.162 | 431.210.192.245 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 468.275.597.162 | 431.210.192.245 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 164.250.000.000 | 164.250.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 164.250.000.000 | 164.250.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 33.502.910.000 | 33.502.910.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 3.656.202.300 | 3.656.202.300 |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 225.232.621.298 | 186.381.677.844 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 41.633.863.564 | 43.419.402.101 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 2.568.458.647 | 3.053.546.362 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 39.065.404.917 | 40.365.855.739 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.186.558.308.033 | 1.147.732.731.905 |

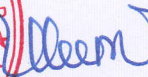
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Bình

Vũ Thị Thúy

Bùi Thị Thanh Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 21 | 1.456.209.638.048 | 1.079.847.686.370 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 21 | 55.413.297.849 | 50.545.291.467 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 21 | 1.400.796.340.199 | 1.029.302.394.903 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 22 | 1.190.007.926.543 | 807.516.533.325 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 210.788.413.656 | 221.785.861.578 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 23 | 25.347.016.629 | 26.446.794.498 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 24 | 27.504.462.562 | 24.009.997.076 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 23 | 26.777.277.296 | 23.777.176.583 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 25 | 121.721.963.365 | 124.803.679.770 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 25 | 46.097.869.031 | 48.261.364.687 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 40.811.135.327 | 51.157.614.543 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 26 | 8.583.021.904 | 1.531.797.058 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 542.394.093 | 1.733.151.058 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 8.040.627.811 | (201.354.000) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 48.851.763.138 | 50.956.260.543 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 9.786.358.221 | 10.590.404.804 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 39.065.404.917 | 40.365.855.739 |

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Bình

Vũ Thị Thúy

Bùi Thị Thanh Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

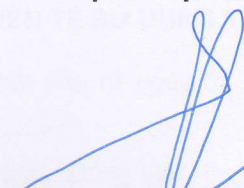
| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 48.851.763.138 | 50.956.260.543 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 22.129.450.045 | 24.714.348.943 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (17.331.694) | (38.467.312) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (32.765.970.491) | (25.982.832.315) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 26.777.277.296 | 23.777.176.583 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 64.975.188.294 | 73.426.486.442 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (134.797.895.232) | (49.673.522.122) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (9.995.669.940) | 21.150.643.520 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 19.867.780.570 | 62.911.315.309 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 355.147.239 | 3.481.464.814 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (25.980.809.916) | (23.748.801.243) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (10.324.528.926) | (11.188.456.913) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (1.542.390.262) | (55.400.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (97.443.178.173) | 76.303.729.807 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác | 21 | (10.552.081.923) | (56.943.577.990) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 22 | 8.062.254.545 | 718.108.110 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (88.699.416.824) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 23.000.000.000 | 94.000.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 10.462.866.367 | 18.310.469.744 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 30.973.038.989 | (32.614.416.960) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 552.079.987.126 | 375.028.638.952 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (569.335.032.478) | (353.189.145.268) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (17.255.045.352) | 21.839.493.684 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (83.725.184.536) | 65.528.806.531 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 93.649.563.635 | 28.067.852.653 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 78.022.627 | 52.904.451 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 10.002.401.726 | 93.649.563.635 |

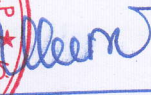
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Bình

Vũ Thị Thúy

Bùi Thị Thanh Hương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 7 ngày 09/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Kinh doanh, bán lẻ rượu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Trụ sở chính được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

| Tên đơn vị | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|---|--|
| A Các đơn vị hạch toán chung (xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty) | | |
| 1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1 | Đường Lạc Long Quân, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | |
| 2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2 | Số 3, đường Thanh Bình, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. | |
| 3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà | Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh - Số 3, đường 8, xã Phù Chẩn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | |
| B Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị) | | |
| 1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà | Lô 27 đường Tân Tạo - Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; | Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà |
| 2 Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà | Số 134 đường Phan Thanh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng | Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà |

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Do Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hà Hà nên người sử dụng báo cáo tài chính riêng này cần đọc cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và những thay đổi về tình hình tài chính của toàn Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Trụ sở chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh "Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi".

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Trụ sở chính và các đơn vị khác không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Trụ sở chính căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên và các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn phù hợp với các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Trụ sở chính được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

| | <u>Năm</u> |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 30 |
| Máy móc thiết bị | 03 - 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 10 |
| Thiết bị quản lý | 03 - 07 |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Trụ sở chính. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí thuê kho, thuê cửa hàng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

- Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Các khoản chi phí dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Trụ sở chính và các đơn vị khác không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (a) Trụ sở chính đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Trụ sở chính không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Trụ sở chính sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Trụ sở chính có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính toán và xác định căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh của Trụ sở chính và các chi nhánh và được nộp tập trung tại Trụ sở chính. Theo đó, Trụ sở chính không thuyết minh chi tiết chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" trong báo cáo riêng của Trụ sở chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty và được theo dõi tại Trụ sở chính nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty/Trụ sở chính trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Trụ sở chính, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Trụ sở chính: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Trụ sở chính và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Trụ sở chính, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Trụ sở chính.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.080.794.613 | 471.296.737 |
| Tiền gửi ngân hàng | 8.921.607.113 | 93.178.266.898 |
| Cộng | <u>10.002.401.726</u> | <u>93.649.563.635</u> |

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Là khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn theo Hợp đồng dịch vụ chứng khoán số 01/2018/HHC-VFS ngày 24/4/2018 với Công ty Cổ phần chứng khoán Nhất Việt ("VFS"). Ngày 24/04/2018, VFS có Công văn thông báo về việc tìm kiếm được đối tác là Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Alpha ("Alpha") cùng tìm kiếm khách hàng đáp ứng nhu cầu đầu tư của Công ty. Sau khi xem xét Công ty đã chấp thuận chuyển tiền đặt cọc mua chứng khoán theo đề xuất của VFS. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty Alpha đã xác nhận đầy đủ nghĩa vụ phải thanh toán tiền gốc và lãi cho Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| IMPACT CO., LTD (Shine Win Trading) | 14.791.134.544 | 11.883.320.604 |
| Hộ kinh doanh Trần Quang Trung | 10.706.762.592 | 1.020.426.987 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tamba | - | 22.106.470.383 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa | 36.679.982.129 | 34.029.089.093 |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Anh Linh | 9.196.258.035 | 4.218.985.272 |
| Các khách hàng khác | 231.349.835.353 | 126.677.719.845 |
| Cộng | 302.723.972.653 | 199.936.012.184 |

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần AMPIRE (i) | 76.000.000.000 | 76.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Á châu (i) | 67.400.000.000 | 67.400.000.000 |
| Công ty Cổ phần ABG Thủ Đô (i) | 15.100.000.000 | 56.600.000.000 |
| Các đối tượng khác | 2.269.973.016 | 7.097.282.085 |
| Cộng | 160.769.973.016 | 207.097.282.085 |

Nguồn vốn huy động thông qua việc phát hành trái phiếu dài hạn năm 2018 (trình bày tại thuyết minh số 18) đã được tạm ứng cho ba nhà thầu theo các hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị sản xuất. Phương án phát hành, mục đích sử dụng vốn từ việc phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau khi đã có đánh giá hồ sơ năng lực của các nhà thầu thực hiện của dự án.

Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, các hợp đồng mua sắm, lắp đặt thiết bị bị chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra (quá trình tìm kiếm, đàm phán với đối tác nước ngoài, cử chuyên gia sang khảo sát, đánh giá về mặt kỹ thuật...). Công ty đã đồng ý chấm dứt hợp đồng với Công ty Cổ phần ABG Thủ đô (sẽ thu hồi tiền ứng trước và lãi phạt), đồng thời gia hạn thực hiện hợp đồng với các nhà cung cấp khác. Ban Giám đốc Công ty sẽ tiếp tục chỉ đạo công tác đàm phán, mua sắm các dây chuyền sản xuất theo kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Ngắn hạn | 213.264.314.801 | - | 124.174.657.365 | - |
| Tạm ứng | 7.533.146.853 | - | 5.966.620.464 | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA (i) | 117.570.469.853 | - | 93.544.738.699 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Bình (ii) | 36.000.000.000 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần ABG Thủ Đức (iii) | 13.238.361.096 | - | - | - |
| Dự thu lãi tiền gửi, cho vay | 38.922.336.999 | - | 24.663.298.202 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Alpha (iv) | 26.561.547.945 | - | 14.219.589.041 | - |
| - Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA (i) | 12.360.789.054 | - | 10.443.709.161 | - |
| Dài hạn | 2.599.446.975 | - | 199.446.975 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 2.599.446.975 | - | 199.446.975 | - |
| Cộng | 215.863.761.776 | - | 124.374.104.340 | - |

- (i) Số dư phải thu khác từ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA bao gồm khoản gốc và lãi theo các hợp tác đầu tư kinh doanh và các phụ lục thay đổi.
- (ii) Khoản tiền phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Bình theo hợp đồng dịch vụ tư vấn số 0601/HĐKT-HHC-TB ngày 06/01/2020 về việc tạm ứng tiền để tìm kiếm đất nhằm ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để triển khai nhà máy và kho tại khu vực phía Nam của Công ty.
- (iii) Khoản lãi phải thu Công ty Cổ phần ABG Thủ Đức theo điều khoản hợp đồng (chi tiết tại thuyết minh số 08)
- (iv) Lãi dự thu theo Hợp đồng và Biên bản xác nhận về khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: số tiền gốc là 107 tỷ đồng, lãi dự thu là 26,56 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020 (chi tiết theo thuyết minh số 06).

10. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Hàng đang đi trên đường | 5.196.879.000 | - | - | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 67.453.568.581 | - | 61.273.452.750 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 349.928.590 | - | 368.118.080 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 154.043.428 | - | 44.243.421 | - |
| Thành phẩm | 12.806.296.839 | - | 14.188.401.381 | - |
| Hàng hoá | 653.146.367 | - | 743.977.233 | - |
| Cộng | 86.613.862.805 | - | 76.618.192.865 | - |

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 3.631.915.988 | 2.175.299.458 |
| Chi phí thuê máy móc | 2.181.818.182 | - |
| Chi phí bảo hiểm | 553.332.597 | 493.257.160 |
| Các khoản khác | 896.765.209 | 1.682.042.298 |
| Dài hạn | 48.056.336.104 | 49.868.099.873 |
| Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh | 45.233.646.757 | 46.494.373.897 |
| Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh) | 2.385.107.772 | 2.466.356.712 |
| Chi phí quảng cáo | 52.096.521 | 66.144.264 |
| Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ | 189.220.528 | 817.142.976 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 196.264.526 | 24.082.024 |
| Cộng | <u>51.688.252.092</u> | <u>52.043.399.331</u> |

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Là khoản chi phí lãi vay vốn hóa liên quan đến khoản phát hành trái phiếu dài hạn để đầu tư dây chuyền thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (chi tiết tại thuyết minh số 8 và thuyết minh số 18). Đến thời điểm hiện tại, các nhà cung cấp máy móc thiết bị cho Công ty đang tiếp tục đàm phán với các đối tác nước ngoài để triển khai dự án theo kế hoạch. Ban Giám đốc xác định Công ty đã chuẩn bị đầy đủ về cơ sở vật chất sẵn sàng cho việc triển khai lắp đặt các dây chuyền sản xuất theo phương án đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, dự kiến lắp đặt, nghiệm thu bàn giao vào tháng 01/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tổng |
|--|----------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------|------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 168.770.821.587 | 285.681.378.255 | 20.567.907.764 | 379.551.000 | 475.399.658.606 |
| Mua trong năm | - | 853.009.091 | - | - | 853.009.091 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (37.321.338.046) | (218.095.200) | (97.777.510) | (37.637.210.756) |
| Tại ngày 31/12/2020 | 168.770.821.587 | 249.213.049.300 | 20.349.812.564 | 281.773.490 | 438.615.456.941 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 70.859.508.806 | 167.366.248.505 | 14.808.963.795 | 269.195.336 | 253.303.916.442 |
| Khấu hao trong năm | 7.891.939.620 | 12.988.881.599 | 1.223.824.138 | 24.804.688 | 22.129.450.045 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (37.303.148.828) | (218.095.200) | (97.777.510) | (37.619.021.538) |
| Tại ngày 31/12/2020 | 78.751.448.426 | 143.051.981.276 | 15.814.692.733 | 196.222.514 | 237.814.344.949 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 97.911.312.781 | 118.315.129.750 | 5.758.943.969 | 110.355.664 | 222.095.742.164 |
| Tại ngày 31/12/2020 | 90.019.373.161 | 106.161.068.024 | 4.535.119.831 | 85.550.976 | 200.801.111.992 |
| Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng | 61.070.492.552 | 99.211.082.821 | 11.589.935.531 | 125.550.000 | 171.997.060.904 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÁI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp | 16.839.232.207 | 16.839.232.207 | 13.717.201.245 | 13.717.201.245 |
| Công ty Cổ phần Bao bì Lam Sơn | 12.631.475.922 | 12.631.475.922 | 8.952.844.819 | 8.952.844.819 |
| Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA | 438.677.131 | 438.677.131 | 40.658.266.608 | 40.658.266.608 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Song Phương | 19.899.730.000 | 19.899.730.000 | 1.372.000.000 | 1.372.000.000 |
| Công ty CP thực phẩm Minh Dương | 13.818.569.250 | 13.818.569.250 | 145.275.000 | 145.275.000 |
| Phải trả cho các nhà cung cấp khác | 109.323.626.428 | 109.323.626.428 | 57.264.415.081 | 57.264.415.081 |
| Cộng | 172.951.310.938 | 172.951.310.938 | 122.110.002.753 | 122.110.002.753 |

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2020 | | Số phải nộp trong năm | | Số đã nộp trong năm | | 31/12/2020 | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----|-----------------------|-----|-----------------------|-----|-----------------------|-----|
| | 01/01/2020 | VND | Số phải nộp trong năm | VND | Số đã nộp trong năm | VND | Số phải nộp trong năm | VND |
| Thuế GTGT đầu ra | 9.759.137.637 | | 22.591.023.633 | | 19.461.658.944 | | 12.888.502.326 | |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | (98.885.667) | | 5.633.163.195 | | 5.539.685.321 | | (5.407.793) | |
| Thuế nhập khẩu | (818.117.218) | | 2.659.757.881 | | 2.103.270.194 | | (261.629.531) | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.648.365.876 | | 9.786.358.221 | | 10.324.528.926 | | 8.110.195.171 | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 471.798.694 | | 1.053.851.145 | | 1.245.626.079 | | 280.023.760 | |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | | 10.925.161.488 | | 10.925.161.488 | | - | |
| Thuế khác và các khoản phải nộp khác | 2.199.960 | | 8.000.000 | | 8.000.000 | | 2.199.960 | |
| Cộng | 17.964.499.282 | | 52.657.315.563 | | 49.607.930.952 | | 21.013.883.893 | |

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

917.002.885
18.881.502.167

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí lãi vay | 776.468.873 | 5.423.907.073 |
| Trích trước chi phí vận chuyển | 7.048.012.775 | 5.580.176.501 |
| Trích trước chi phí bán hàng | 8.772.241.116 | 9.432.073.625 |
| Trích trước chi phí khác | 3.228.360.438 | 10.429.518.741 |
| Cộng | <u>19.825.083.202</u> | <u>30.865.675.940</u> |

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 18.078.325.833 | 44.994.258.122 |
| Kinh phí công đoàn | - | 193.814.752 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 445.800.000 | 551.600.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 11.912.750 | 11.912.750 |
| Công ty Liên danh ACI Vietnam- Đông Á (*) | 14.500.000.000 | 14.500.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | - | 29.715.596.391 |
| Lãi trái phiếu phải trả | 3.116.917.808 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 3.695.275 | 21.334.229 |
| Dài hạn | 1.416.022.865 | 1.319.422.865 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 1.416.022.865 | 1.319.422.865 |
| Cộng | <u>19.494.348.698</u> | <u>46.313.680.987</u> |

(*) Khoản tiền thanh toán theo tiến độ của Công ty Liên danh ACI Vietnam - Đông Á theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HHC-ACI Vietnam - Đông Á ngày 17/3/2016 để thực hiện Dự án "Đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng làm việc, Giới thiệu sản phẩm, Dịch vụ Thương mại và nhà ở tại địa điểm số 25-27 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội". Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các bên đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý của Dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

18. VAY NGẮN DÀI HẠN

| | 01/01/2020 | | Trong năm | | 31/12/2020 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 225.723.565.095 | 225.723.565.095 | 618.051.713.229 | 569.335.032.478 | 274.440.245.846 | 274.440.245.846 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long (i) | 90.816.362.732 | 90.816.362.732 | 397.796.477.000 | 381.171.136.855 | 107.441.702.877 | 107.441.702.877 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (ii) | 49.905.202.363 | 49.905.202.363 | 74.541.464.896 | 99.884.241.071 | 24.562.426.188 | 24.562.426.188 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (iii) | - | - | 49.998.140.631 | - | 49.998.140.631 | 49.998.140.631 |
| Vay cá nhân | 2.000.000 | 2.000.000 | - | - | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 85.000.000.000 | 85.000.000.000 | 95.715.630.702 | 88.279.654.552 | 92.435.976.150 | 92.435.976.150 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long (iv) | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| Trái phiếu phát hành cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực (v) | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (vi) | - | - | 10.715.630.702 | 3.279.654.552 | 7.435.976.150 | 7.435.976.150 |
| Vay dài hạn | 237.500.000.000 | 237.500.000.000 | 29.743.904.599 | 95.715.630.702 | 171.528.273.897 | 171.528.273.897 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long (iv) | 87.500.000.000 | 87.500.000.000 | - | 35.000.000.000 | 52.500.000.000 | 52.500.000.000 |
| Trái phiếu phát hành cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực (v) | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 | - | 50.000.000.000 | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (vi) | - | - | 29.743.904.599 | 10.715.630.702 | 19.028.273.897 | 19.028.273.897 |
| Cộng | 463.223.565.095 | 463.223.565.095 | 647.795.617.828 | 665.050.663.180 | 445.968.519.743 | 445.968.519.743 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

- (i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức ngày 21/04/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 03 ngày 11/6/2020, hạn mức tín dụng là 160 tỷ với thời hạn 1 năm kể từ ngày 11/06/2020, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là một số tài sản của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng lần nhận nợ.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 13/11/2020, hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay. Tài sản đảm bảo là một số tài sản của công ty.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng cho vay hạn mức ngày 2/12/2020, hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay. Tài sản đảm bảo là một số tài sản của công ty.
- (iv) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cấp tín dụng ngày 21/04/2018 trong thời hạn 5 năm, hạn mức tín dụng được cấp là 250 tỷ đồng, mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy Giai đoạn 1 và 2, tài sản đảm bảo là một phần tài sản cổ định của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; khoản vay được ân hạn gốc 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (v) Trái phiếu phát hành cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực theo Hợp đồng mua trái phiếu số 55/2018/HĐMTB/EVNFC-HHC ngày 16/10/2018, số lượng 200 trái phiếu không chuyển đổi, mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm, ngày đáo hạn là 16/10/2023, với mục đích tài trợ vốn cho Công ty đầu tư mở rộng dây chuyền thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là tài sản của công ty.
- (vi) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng cho vay ngày 24/12/2018 trong thời hạn 48 tháng, hạn mức tín dụng được cấp là 31,6 tỷ đồng, mục đích vay để thanh toán nhập khẩu khẩu máy móc thiết bị. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay.

Lịch trả nợ vay dài hạn

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng 1 năm | 92.435.976.150 | 85.000.000.000 |
| Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05 | 171.528.273.897 | 237.500.000.000 |
| Sau năm thứ 05 | - | - |
| Cộng | 263.964.250.047 | 322.500.000.000 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------|---------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2019 | 164.250.000.000 | 33.502.910.000 | 3.656.202.300 | 146.406.604.365 | 45.128.619.841 | 392.944.336.506 |
| Lãi trong năm * | - | - | - | - | 40.365.855.739 | 40.365.855.739 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | 39.975.073.479 | (42.075.073.479) | (2.100.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2019 | 164.250.000.000 | 33.502.910.000 | 3.656.202.300 | 186.381.677.844 | 43.419.402.101 | 431.210.192.245 |
| Lãi trong năm | - | - | - | - | 39.065.404.917 | 39.065.404.917 |
| Phân phối lợi nhuận (*) | - | - | - | 38.850.943.454 | (40.850.943.454) | (2.000.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2020 | 164.250.000.000 | 33.502.910.000 | 3.656.202.300 | 225.232.621.298 | 41.633.863.564 | 468.275.597.162 |

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 224/NQ-DHĐCĐ ngày 15/5/2020 thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển số tiền 38.850.943.454 đồng; trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 2.000.000.000 đồng. Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông và dùng lợi nhuận để bổ sung quỹ đầu tư phát triển kinh doanh.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|----------|----------|
| | VND | VND |

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | | |
|--------------------------|-----------------|-----------------|
| - Vốn góp đầu kỳ | 164.250.000.000 | 164.250.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| - Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| - Vốn góp cuối kỳ | 164.250.000.000 | 164.250.000.000 |

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B09- DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 16.425.000 | 16.425.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 16.425.000 | 16.425.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 16.425.000 | 16.425.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 16.425.000 | 16.425.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 16.425.000 | 16.425.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu): | 10.000 | 10.000 |

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|-------------------------|-------------------|-------------------|
| Ngoại tệ các loại - USD | 133.519,55 | 185.321,59 |

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | <u>Năm 2020</u> | <u>Năm 2019</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.456.209.638.048 | 1.079.847.686.370 |
| Doanh thu bán hàng | 1.436.722.506.461 | 1.059.891.087.440 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 19.487.131.587 | 19.956.598.930 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 55.413.297.849 | 50.545.291.467 |
| Chiết khấu thương mại | 36.096.752.241 | 34.885.213.076 |
| Hàng bán bị trả lại | 19.316.545.608 | 15.660.078.391 |
| Doanh thu thuần | <u>1.400.796.340.199</u> | <u>1.029.302.394.903</u> |

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | <u>Năm 2020</u> | <u>Năm 2019</u> |
|------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn hàng bán | 1.190.007.926.543 | 807.516.533.325 |
| Cộng | <u>1.190.007.926.543</u> | <u>807.516.533.325</u> |

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | <u>Năm 2020</u> | <u>Năm 2019</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 24.721.905.164 | 26.225.596.187 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 607.779.771 | 182.730.999 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại | 17.331.694 | 38.467.312 |
| Cộng | <u>25.347.016.629</u> | <u>26.446.794.498</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09- DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 26.777.277.296 | 23.777.176.583 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 629.674.287 | 72.391.754 |
| Chiết khấu thanh toán | 97.510.979 | 83.748.739 |
| Chi phí tài chính khác | - | 76.680.000 |
| Cộng | 27.504.462.562 | 24.009.997.076 |

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 46.097.869.031 | 48.261.364.687 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 562.729.520 | 1.155.342.172 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 15.189.839.137 | 15.445.725.441 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 170.495.438 | 332.786.340 |
| Thuế, phí và lệ phí | 10.933.161.488 | 9.020.777.902 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 17.588.017.415 | 20.315.018.357 |
| Chi phí khác | 1.653.626.033 | 1.991.714.475 |
| Chi phí bán hàng | 121.721.963.365 | 124.803.679.770 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.568.112.942 | 2.892.158.372 |
| Chi phí nhân viên | 47.979.795.475 | 45.589.447.391 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 791.366.142 | 928.844.674 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 63.224.842.593 | 69.980.122.414 |
| Chi phí khác | 7.157.846.213 | 5.413.106.919 |
| Cộng | 167.819.832.396 | 173.065.044.457 |

26. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi thanh lý TSCĐ | 8.062.254.545 | 723.103.128 |
| Các khoản khác | 520.767.359 | 808.693.930 |
| Cộng | 8.583.021.904 | 1.531.797.058 |

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 613.227.929.398 | 655.655.834.585 |
| Chi phí nhân công | 150.426.062.815 | 152.131.471.477 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 22.129.450.045 | 24.714.348.943 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 97.420.237.239 | 107.796.889.709 |
| Chi phí khác | 25.240.197.567 | 22.127.074.966 |
| Cộng | 908.443.877.064 | 962.425.619.680 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀ HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09- DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan sau:

Thù lao, thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm được trình bày như sau;

| Tên | Chức vụ | Thu nhập | |
|------------------------|--|----------------------|----------------------|
| | | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
| Ông Lê Mạnh Linh | Chủ tịch HĐQT | - | 30.000.000 |
| Bà Bùi Thị Thanh Hương | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 1.036.936.000 | 991.098.000 |
| Bà Vũ Thị Thúy | Thành viên HĐQT | 153.068.202 | 30.000.000 |
| Bà Lưu Thị Tuyết Mai | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/04/2019) | - | 30.000.000 |
| Ông Trần Anh Thắng | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/04/2019) | - | 30.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Lan | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/04/2019) | - | 30.000.000 |
| Cộng | | 1.190.004.202 | 1.141.098.000 |

29. THÔNG TIN KHÁC

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Thù lao của Ban kiểm soát | 160.000.000 | 138.000.000 |

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Trụ sở chính cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập

Phụ trách phòng Tài vụ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Bình

Vũ Thị Thúy

Bùi Thị Thanh Hương